



TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN TRONG MỘT SỐ TIỂU THUYẾT VIỆT NAM SAU 1986

Phan Thúy Hằng*

Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Khánh Hòa

Ngày nhận bài: 01-11-2017; ngày nhận bài sửa: 15-11-2017; ngày duyệt đăng: 30-11-2017

TÓM TẮT

Tín ngưỡng dân gian (TNDG) từ lâu đã thấm đượm và ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần của người dân Việt Nam. Sự ảnh hưởng đó được thể hiện thông qua hệ thống giá trị mà tín ngưỡng này mang lại trong việc thỏa mãn nhu cầu tâm linh của cá nhân và cộng đồng. TNDG không chỉ hiện diện trong đời sống mà còn để lại dấu ấn đặc biệt trong văn học. Tiểu thuyết Việt Nam sau năm 1986 chứa đựng rất nhiều yếu tố của văn hóa dân gian nói chung và TNDG nói riêng. Bài viết tìm hiểu những phong tục, tập quán của TNDG trong tiểu thuyết Việt Nam sau năm 1986 để cảm nhận rõ hơn những giá trị tinh thần mà TNDG mang lại.

Từ khóa: Tín ngưỡng dân gian, phong tục, tập quán, tiểu thuyết Việt Nam sau 1986.

ABSTRACT

Folk beliefs in some Vietnamese novels after 1986

Folk beliefs have long permeated and profoundly affected the spiritual life of all Vietnamese people. That influence is expressed through the system of values that these beliefs provide in satisfying the spiritual needs of individuals and communities. Folk beliefs are not only present in life but also leave a special mark in literature. Vietnamese novels after 1986 contained many elements of folklore in general and folk beliefs in particular. The article explores customs and traditions of folk beliefs in Vietnamese novels after 1986 in order to better understand the spiritual values that are offered by the folk beliefs.

Keywords: Folk beliefs, customs, traditions, Vietnamese novels after 1986.

1. Mở đầu

Hiện nay, khái niệm tín ngưỡng được hiểu theo các hướng khác nhau nhưng đều thống nhất rằng, tín ngưỡng là sự ngưỡng mộ, tin tưởng của con người vào các lực lượng siêu nhiên, hư ảo, có tính chất thiêng liêng huyền bí. Trong tác phẩm *Văn hóa Việt Nam đỉnh cao Đại Việt*, Nguyễn Đăng Duy đã viết: “Tín ngưỡng là niềm tin và sự ngưỡng mộ của con người vào lực lượng siêu nhiên, thần bí, hoặc do con người tưởng tượng ra những vị thần linh đến mức họ cho rằng những lực lượng ấy có ảnh hưởng, chi phối đời sống, số phận của con người và gây thành một nếp sống xã hội theo niềm tin thiêng liêng ấy” (Nguyễn Đăng Duy, 2004, tr.351). Như vậy, tín ngưỡng là sản phẩm văn hóa do con người quan hệ với tự nhiên, xã hội và chính bản thân mà hình thành. TNDG Việt Nam chủ yếu

* Email: pr.hangphanthuy@gmail.com

dựa trên lòng biết ơn và ngưỡng mộ của các thế hệ sau đối với tiền thân, tiền nhân. Từ tâm thức sùng bái đó, trong các cộng đồng hình thành các phong tục tập quán và nghi lễ thờ cúng tự nhiên, thờ cúng tổ tiên, thờ Mẫu và nghi lễ phồn thực...

Tiểu thuyết Việt Nam sau 1986 không nằm ngoài dòng chảy chung của tín ngưỡng văn hóa dân tộc. “*Nhiều tác phẩm trong giai đoạn này tái hiện thế giới tâm linh trong đời sống tín ngưỡng, phong tục, tôn giáo thiêng liêng*” (Nguyễn Văn Hùng, 2016). Mỗi nhà văn đã tìm cho mình một nẻo đi riêng, kiếm tìm và giải mã đời sống văn hóa, tâm linh người Việt qua tín ngưỡng bản địa như Nguyễn Xuân Khánh với *Mẫu Thượng Ngàn*. Hay gửi vào tác phẩm những thông điệp màu nhiệm của tôn giáo với niềm tin cứu rỗi, thanh tẩy, cảm hóa, hướng thiện con người như *Đội gạo lên chùa* của Nguyễn Xuân Khánh, *Cõi người rung chuông tận thế* của Hồ Anh Thái, *Giàn thiêu* của Võ Thị Hào... Xây dựng những hình ảnh, biểu tượng, không gian văn hóa đậm màu sắc dân tộc như *Mảnh đất lắm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trường, *Chuyện làng Cuội* của Lê Lựu, *Bến không chồng* của Dương Hương... Và để thể hiện cảm quan mới về hiện thực, các nhà văn đã sử dụng những yếu tố kì ảo, hoang đường mang đậm dấu ấn tâm linh như là một trong những cách thức tiếp cận, khám phá, luận giải hiện thực những TNDG trong tính nhiều chiều, phức tạp của nó. Văn học biểu hiện văn hóa, cho nên văn học là tấm gương của văn hóa. Thực vậy, qua những tiểu thuyết giai đoạn này, ta nhận thấy một bức tranh văn hóa dân tộc đa sắc màu với những phong tục, tập quán, TNDG phong phú dưới sự tiếp nhận và tái hiện của nhà văn hiện đại.

2. Nội dung

2.1. Tín ngưỡng thờ cúng ông bà tổ tiên và những người đã khuất

Đây là một loại hình TNDG có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần của người dân Việt Nam. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và những người đã khuất có sức sống lâu bền. Tín ngưỡng này không chỉ chứa đựng những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc mà còn thể hiện quan niệm của người Việt về thế giới, về nhân sinh. Bên cạnh đó, tiểu thuyết giai đoạn này cũng phản ánh những mặt trái của của TNDG này khi đi vào đời sống của những con người hiện đại.

Trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1986, tín ngưỡng này được các nhà văn thể hiện như một nét văn hóa đặc trưng của người Việt. Thờ cúng tổ tiên và những người đã khuất là hình thức tín ngưỡng mà thông qua nghi lễ thờ cúng nhằm xác lập “mối liên hệ” giữa người sống với người chết, giữa người ở thế giới hiện tại và thế giới tâm linh. Với người Việt Nam, chết chưa phải là hết, tổ tiên lúc nào cũng ở bên cạnh người sống, “như tại” trên bàn thờ mỗi gia đình, động viên, trợ giúp cho con cháu trong cuộc sống thường ngày. Cho nên, khi trong gia đình có người ra đi thì người thân của họ chuẩn bị hậu sự và thờ cúng rất chu đáo. Vượt lên sự đốn đau, những người còn lại thành kính tiễn đưa người đã khuất. Ngay những trang đầu của tiểu thuyết *Mẫu Thượng ngàn* (Nguyễn Xuân Khánh), người đọc chứng kiến đám tang của vợ ông trưởng Kiên. Đặc biệt là sự đau đớn, tiếc nuối và tình cảm của ông đối với người vợ quá cố khiến người đọc không khỏi cảm thương: “Ông

trường Kiên quỳ rạp, mặt úp xuống ván thuyền để tiễn đưa vong hồn người vợ đi vào cõi mệnh mang, để hẹn hò sẽ gặp lại một cái gì đó rất siêu linh mà không biết ông có còn gặp lại hay không” (Nguyễn Xuân Khánh, 2006, tr.21). Việc kính ngưỡng với người đã khuất không chỉ được thể hiện khi họ mất đi, mà mỗi khi trong gia đình dòng tộc có việc đại sự, con cháu đều bày biện mâm lễ, thành kính thấp hương khấn vái tổ tiên mong mọi việc hanh thông. Điều này thể hiện rõ khi Huy đề nghị cụ Tú Cao được chép lại gia phả dòng họ Vũ bằng chữ quốc ngữ. “Hôm bắt đầu tiến hành công việc, cụ Tú Cao sang nhà thờ họ, làm mâm cơm, thấp hương khấn vái lạy tổ, xin phép được mang cuốn gia phả chữ nho đựng trong cái ống sơn son xuống làm tài liệu viết cuốn mới” (Nguyễn Xuân Khánh, 2006, tr.471). Ở *Hồ Quý Ly*, khác với bề mặt thái sư cứng rắn, đa mưu túc trí là một người chồng thể tục trong hành động, gần như mê muội với người vợ quá cố: “ông rước vong linh của bà về nhà hậu đường, ông muốn bà luôn kề cận bên trong. Và hằng đêm, trước lúc ngủ, ông vẫn đến bàn thờ bà để thấp hương, để tâm sự...” (Nguyễn Xuân Khánh, 2012, tr.539). Hành động tận nghĩa này cho thấy Hồ Quý Ly cũng là một con người mang tâm lí tín ngưỡng thờ cúng đời thường trọn vẹn; và từ đó, nhờ san sẻ kí ức với cố nhân, ông có thể che đậy, khóa lấp “nỗi cô đơn khủng khiếp” của người khởi xướng và thực hành Minh Đạo luôn bị vương triều nghi ngờ thoán nghịch.

Tuy nhiên, không phải lúc nào người ta cũng xem cái chết là hết, không phải đám tang nào cũng là sự thể hiện nghĩa cử cao đẹp cuối cùng của người sống đối với người đã khuất. Một loạt cái chết và những đám tang trong *Mảnh đất lắm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trường khiến cho người đọc vô cùng ám ảnh. Đó là những cái chết không bình thường và những đám chết không bình thường. Văn hóa về cái chết với đạo lí “nghĩa tử là nghĩa tận” đã phải nhường bước cho sự tha hóa của nhân cách con người. Cái chết của ông Vũ Đình Đại làm chấm dứt mối hận thù cha con có từ thời cải cách thì lại dẫn tới sự trả thù diễn ra quyết liệt giữa hai dòng họ Trịnh Bá và Vũ Đình, khung cảnh nháo nhác, náo động cả một vùng thôn quê. Cái chết vốn gắn liền với các quan niệm về văn hóa tâm linh, vốn rất thiêng liêng, nhưng ở đây, cái chết này với một lễ tang đình đám, có đội kèn đám ma, cũng biết lợi dụng cơ hội với hai lần đưa đồ rất trọng thể, một đám ma để khoe với làng với nước trong thời buổi đói kém. Lợi dụng sự ra đi của người quá cố để kích động nhằm thổi bùng mối thù không thể nào hóa giải giữa hai dòng họ. Đối lập với cái chết rình rập của cụ Cố là cái chết không kèn không trống, chẳng có người rước người đưa của lão Quènh. “Quàng quyết định chôn anh mình thật nhanh. Con ma keo kiệt trong người Quàng làm một việc táng tận. Hấn chôn ông anh khôn khổ bằng bó chiếu” (Nhiều tác giả, 2003, tr.502). Thờ cúng người đã khuất và tổ chức tang lễ là nghĩa cử mang tính chất thiêng liêng nhưng ở đây đã được trần tục hóa. Chúng giúp cho các phong tục trở nên sắc nét hơn, rõ ràng hơn và sự biến dạng của các phong tục cũng cho thấy tính chất phức tạp của thời đại mới.

Bên cạnh việc thờ cúng những người đã khuất, đối với các dòng họ ở nông thôn, mỗi năm họ có một ngày giỗ tổ. Việc này do tộc trưởng chủ trì. Ngày giỗ tổ hàng năm là ngày

con cháu ở khắp mọi nơi về họp mặt đông đủ để tưởng nhớ tổ tiên và những người đã khuất. Đây cũng là dịp thắt chặt thêm tình thân của những người trong cùng dòng họ. Dòng họ Nguyễn trong *Bến không chồng* cũng có những ngày giỗ tổ như thế. Họ Nguyễn to nhất làng Đông. Từ đường họ Nguyễn cũng to nhất làng Đông. Cái cơ ngơi ấy do cụ Nguyễn Nghiên, người đứng đầu dòng họ Nguyễn lúc bấy giờ cai quản. Đây là cái lễ chạp tổ đầu tiên sau ngày hòa bình, vì vậy, các cụ trong họ bảo phải làm thật to. Họ bàn bạc, tranh cãi và cuối cùng quyết định “chín chục mâm, mỗi mâm hai bát năm đĩa. Ban sắp cỗ gồm bảy tay dao thớt, sáu đàn bà ngồi bếp, hai thanh niên bô củi, bốn cô gái gánh nước. Ngoài ra còn các nhân vật chén bát sai vặt.” (Duong Hường, 1998, tr.25). Có thể nói, ngày chạp tổ chính là ngày hội, là thế giới tinh thần, vật chất của cả họ. Chính điều này sẽ phát huy được thuần phong mỹ tục, làm phong phú thêm đời sống tinh thần. Trong những dịp quan trọng hay thời khắc thiêng liêng, con người luôn có xu hướng tâm linh ngưỡng vọng về tổ tiên và những người đã khuất. Cuộc sống hiện đại đã làm xáo trộn mọi giá trị đạo đức trong gia đình ông Bằng (*Mùa lá rụng trong vườn*), một gia đình truyền thống và nề nếp. Tuy nhiên, trong thời khắc thiêng liêng của chiều ba mươi tết, đặc biệt khi ông Bằng thấp hương làm lễ thì mọi người dường như xích lại gần nhau hơn. Theo làn khói hương, ông Bằng thành kính tưởng nhớ ông bà tổ tiên và những người thân đã khuất: “Thưa thầy mẹ đã cách trở ngàn trùng mà vẫn hằng sống cùng con cháu. Con vẫn nghe văng vẳng đâu đây lời giáo huấn ông cha, tiên tổ. Con vẫn định ninh ghi khắc công ơn sinh thành dưỡng dục của thầy mẹ, gia tộc, ông bà, cha mẹ, tổ tiên, con như thấy từ trong tâm linh, huyết mạch sự sinh sôi nảy nở, phúc thọ an khang của con cháu đời đời nối tiếp trong cộng đồng dân tộc thương yêu...” (Ma Văn Kháng, 2007, tr.86-87). Qua đây có thể thấy, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và những người đã khuất có ảnh hưởng tích cực tới đời sống của mỗi cá nhân, cộng đồng và xã hội. Nó trở thành một tập tục truyền thống, có vị trí hết sức đặc biệt trong đời sống tinh thần của dân tộc, là một trong các thành tố tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên rất giản dị: tin rằng tổ tiên mình là thiêng liêng, họ đi vào cõi vĩnh hằng nhưng vẫn sống cạnh con cháu, họ đã phù hộ cho con cháu khi gặp tai ách, khó khăn; vui mừng khi con cháu gặp may mắn, khuyến khích con cháu khi gặp điều lành và cũng quở trách con cháu khi làm những điều tội lỗi...

2.2. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên

Bên cạnh tín ngưỡng thờ cúng ông bà tổ tiên và những người đã khuất, dân gian còn sùng bái tự nhiên qua phong tục thờ động vật, thực vật.

- Thờ động vật

Trong TNDG, việc thờ cúng tự nhiên đã giữ một vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của người dân. Và trong các TNDG đó phải kể đến tín ngưỡng thờ động vật hay thờ thú. Người Việt Nam là dân tộc đa dạng trong việc thờ các vị thần có nguồn gốc từ động vật. Họ thờ những con vật mạnh mẽ như: hổ, cá voi, voi, ngựa, rắn. Ngoài ra, người Việt còn thờ các con vật hiền lành như cóc, chó, cá, hạc, dơi, các con vật gần gũi với cuộc sống của người dân trong xã hội nông nghiệp. Tiểu thuyết Việt Nam sau 1986 xuất hiện

tục thờ động vật trong khá nhiều tác phẩm như thờ Hồ (*Mảnh đất lắm người nhiều ma*), thờ Chó (*Mẫu Thượng Ngàn*), thờ Cá thần (*Dòng sông mía*)... Mỗi tác phẩm dung chứa tín ngưỡng thờ động vật gắn với những con vật và mỗi câu chuyện khác nhau, song đều có điểm chung chính là niềm tin về sự bảo trợ của các vị thần ấy đối với đời sống tâm linh của cá nhân và cộng đồng. Trong *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, dòng họ Trịnh Bá thờ Hồ. Gia phả dòng họ kể lại, ông nội của Trịnh Bá Hoàn có cơ duyên gặp và có mối quan hệ ân nghĩa với Hồ thần. Cũng từ đó, dòng họ Trịnh Bá phát lên như điều. Thầy tướng bảo đó là sự đền bù, sự phù trợ của Hồ thần. Không biết do chăm chỉ làm ăn hay do được Hồ thần giúp đỡ mà đến đời Trịnh Bá Hoàn đã làm được nhà gỗ, mua được ruộng, lợn đàn, trâu nái... Mỗi loài vật khi được phong thần đều mang những ý nghĩa khác nhau. Nếu Hồ thần mang lại sự may mắn, thịnh vượng cho gia chủ (*Mảnh đất lắm người nhiều ma*), thì Cầu thần, trong *Mẫu Thượng ngàn* của Nguyễn Xuân Khánh lại mang ý nghĩa trấn yểm cho làng Cổ đình tránh khỏi tà khí của nghĩa địa trước cổng làng. Người ta cho rằng “làng động”, nên đã đục tượng Thần Cầu, trấn yểm bùa vào đó để giữ yên ổn cho dân làng. Cũng trong tiểu thuyết này còn có sự xuất hiện của Rắn thần hay còn gọi là “ngựa ngài” và Thần Hắc hổ mang ý nghĩa thiêng liêng khi ngự trị trong đền thờ Mẫu. Thực hư không biết thế nào nhưng có những câu chuyện khiến cho người dân không thể không tin năng lực đặc biệt của những vị thần này. Cộng thêm những phán truyền bí ẩn của những người như ông Hộ Hiếu, cô Thống Bệu khiến cho niềm kính ngưỡng của người dân đối với những vị thần này vô cùng đặc biệt. Đến với *Dòng sông mía* (Đào Thắng), người đọc bị lôi cuốn vào câu chuyện cá thần Vực Diễm, ai cũng tôn thờ cá thần, xem đây là một đấng linh thiêng: “Khắp vùng ven sông Châu này ai cũng khiếp sợ cá thần...dân bản địa cúng vọng...ngày rằm, mồng một...chỗ nào cũng thấy nhố bóng người quì gối, vái lạy thì thầm” (Đào Thắng, 2004, tr.57-58). Bên kia sông là đình Thái Hòa, ai cũng sợ hãi, lạ lẫm: “Người ta bảo đình Thái Hòa thiêng lắm... thờ cá thần ngay sát mép sông” (Đào Thắng, 2004, tr.26). Đặc biệt, là “sự tích” thăng Lẹp, nhiều người cho rằng “thăng Lẹp là con của cá thần sông Châu Giang” (Đào Thắng, 2004, tr.47). Trong con tuyệt vọng, lúc ông Chép hấp hối, bà Mến đã cầu xin và rồi thiếp đi, trong mơ bà thấy cá thần “phủ” lên người, sau đó sinh ra thăng Lẹp. Một câu chuyện khác là về lão Chép, vì đại đột tội nghe lời xúi dại, dám cả gan báng bổ thần thánh, hung hăng quyết “bắt cóc” đôi cá Thần về “xoi tái” nên cuối cùng lão phải nhận lấy hậu quả. Qua đó, chúng ta thấy đời sống tâm linh ở đây thật là nguyên sơ và huyền bí, một thứ TNDG trong trẻo nhưng rất mực linh thiêng, tạo ra cả không gian tâm linh như một nội lực có ý nghĩa cổ kết cộng đồng, làm nên sức mạnh bền chặt của ngôi làng Việt.

- Thờ thực vật

Bên cạnh tín ngưỡng thờ động vật là tín ngưỡng thờ thực vật. Thờ cây là tín ngưỡng có tính tối cổ phổ biến khắp nơi. Nó là biểu hiện sự gắn bó mật thiết giữa con người với sinh thái tự nhiên. Ở mỗi vùng miền, ý nghĩa việc thờ cây có những nội dung khác nhau.

Người Việt thường có câu “Thần cây đa, ma cây gạo, cú cáo cây đề”; “Cây gạo có ma, cây đa có thần”; “Cây đa cây thần, thần cây cây đa”... Cây thiêng thường là nơi con người gửi tới những khẩn cầu, mong muốn, nguyện ước về may mắn, xa rời bất hạnh, rủi ro. Bằng bạc trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1986, đặc biệt những tiểu thuyết về nông thôn luôn hiện diện hình ảnh của cây Đa, cây Quáo, cây Gạo... Đến với làng Cổ Đình (*Mẫu Thượng ngàn*), người đọc bắt gặp ngay hình ảnh cây đa đầu làng như một “*đại thụ linh thần*”, “Một cây đa cổ thụ trứ danh, gốc to chực người ôm không xuể. Nó là niềm kiêu hãnh của dân làng. Một cây đa vừa hùng vĩ, vừa đẹp, người trong vùng ai cũng biết. Người ta dùng nó làm điểm xác định vị trí. Ví dụ: Làng tôi là làng Già cách cây đa Cổ Đình hai cây số về phía Đông... Người ta bảo rằng cây đa phải đến trên ba trăm tuổi” (Nguyễn Xuân Khánh, 2006, tr.220). Biết bao biến cố, thăng trầm của của dân làng Cổ Đình đã diễn ra dưới gốc cây này. Nó như một chứng nhân lịch sử về những gì đã qua trong quá khứ, những cái đang hiện tồn và cả tương lai. Những câu chuyện có thật và những lời đồn đại, thêu dệt mang tính chất huyền bí về cây đa thần khiến người dân càng sùng kính. Họ lập bàn thờ dưới gốc đa vì họ tin rằng: “Phải kính cẩn hương khói phụng thờ các ngài để các ngài che chở cho” (Nguyễn Xuân Khánh, 2006, tr.221). Ý thức bao đời của người nông thôn thường có xu hướng thích đề cao làng mình. Với họ, làng mình cái gì cũng nhất, cái gì cũng hơn thiên hạ: “Đình làng Đông to nhất. Cây quáo làng Đông cao nhất. Cầu đá làng Đông đẹp nhất; nước sông Đình cũng mát nhất” (Dương Hương, 1998, tr.9). Bất kể một ngôi làng nào thì hình ảnh về những cây cổ thụ, mái đình, dòng sông lúc nào cũng hiện diện như những thành tố không thể thiếu. Mặt khác, hình ảnh về cây đa, cây gạo không phải lúc nào cũng được người dân phong thần hay thờ cúng. Tuy nhiên họ luôn kính ngưỡng và xem chúng như những vật thiêng chứng kiến mọi buồn vui, đau khổ cùng những biến đổi của thời cuộc trong cộng đồng làng xã. Hình ảnh cây Gạo thiêng trong tiểu thuyết *Thần thánh và bước bước* của Đỗ Minh Tuấn mang ý nghĩa như thế. Bối cảnh câu chuyện là làng Bái Hạ, một làng cổ có từ đời Lê. Làng Bái Hạ có nhiều huyền tích, tập trung vào cây gạo đầu làng, được xem như một biểu tượng, gắn với số phận của cá nhân và cộng đồng. Cây gạo xuất hiện ngay từ đầu chương một, trở thành tiêu điểm để từ đó triển khai các mạch truyện. Đời sống tâm linh của từng con người, từng gia đình, cái chết và sự sống, vận hạn đỏ đen, may rủi từ đời này qua đời khác xoay quanh cây gạo. Có thể nói, tín ngưỡng thờ cúng cây cối là một loại hình tín ngưỡng rất độc đáo trong đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng cư dân. Đối với những cây cổ thụ lâu năm, người ta như cảm nhận được sự tồn tại của một lực lượng siêu nhiên đã chi phối, khống chế đời sống tinh thần của họ. Do đó, cho dù bắt nguồn từ cơ sở nào chăng nữa thì tín ngưỡng thờ cúng cây cối đều liên quan đến việc chưa giải thích hết được giới tự nhiên xung quanh con người và sự sợ hãi khi cuộc sống của họ gặp điều trở ngại, khó khăn. Thần cây đã nằm ngoài giới hạn hiểu biết của họ. Thông qua sự thờ cúng, đã giúp họ thông quan với các thực thể, các sức mạnh siêu nhiên. Tất cả những niềm tin, sự thực hành và tình cảm tín ngưỡng của họ dành cho cây cối đều được

sản sinh và tồn tại trong một môi trường tự nhiên, xã hội và văn hóa của cộng đồng mà họ đang sống.

2.3. Tín ngưỡng thờ Mẫu

Tín ngưỡng thờ Mẫu là hình thức TNDG khá tiêu biểu, mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam, một hiện tượng văn hóa tín ngưỡng tâm linh độc đáo trong hệ thống TNDG đa thần của người Việt. Việc thờ Mẫu tuy có tên gọi khác nhau ở các miền đất nước nhưng có cội nguồn từ tục thờ các nữ thần. Ngày nay nó đã trở thành Đạo của người Việt, một đạo mang bản sắc Việt Nam rõ rệt nhất. Cùng với giá trị nhân bản, đạo đức, hình thức thờ tự này đã chuyển tải những giá trị tốt đẹp của con người Việt Nam.

Trong tiểu thuyết Việt Nam thời kì đổi mới, nhân vật nữ của các nhà văn như Nguyễn Xuân Khánh, Dương Hương, Nguyễn Khắc Trường... đều mang trong mình những phẩm chất cao đẹp của tính truyền thống. Vẻ đẹp ở họ toát lên trong những hoàn cảnh bình thường đến ế le của cuộc sống. Có thể nói, *Mẫu Thượng Ngàn* của nhà văn Nguyễn Xuân Khánh là một cuốn tiểu thuyết thể hiện đầy đủ nhất về mẫu tính. Đây là một cuốn tiểu thuyết về văn hóa, phong tục Việt Nam được thể hiện qua cuộc sống của người dân, đặc biệt là phụ nữ, ở một vùng quê bán sơn địa miền Bắc Việt Nam. Từ đó, thông qua cuốn tiểu thuyết, người đọc có thể tìm hiểu một nguyên lí văn hóa Việt đã tồn tại trong lịch sử và trong tâm thức của người Việt, đó là: Nguyên lí tính Mẫu. Có thể nói, đây chính là nét đặc sắc nhất đồng thời còn là điểm thành công nhất của *Mẫu Thượng Ngàn*. Phạm Xuân Nguyên trong cuộc trả lời phỏng vấn của VTC News đã khẳng định “Đạo Mẫu trong tiểu thuyết... vừa là tín ngưỡng, vừa thể hiện tính phồn thực và sự trường tồn của dân tộc Việt”. Như đã nói, luồng văn hóa xuyên suốt trong tác phẩm là đạo Mẫu. Trong tác phẩm của ông, tất cả những người đàn bà đều đẹp, mãnh liệt sức sống, tràn trề tình yêu thương, bao dung nhân hậu, từ bà Tô Cô bí ẩn, bà Ba Váy đa tình, đến cô Đồng Mùi, cô Mỡ Hoa khốn khổ, cô trinh nữ Nhụ tinh khiết... Cả bà Đà của ông Đùng huyền thoại, tất cả tràn trề sinh lực, phồn thực, rất con người, rất đàn bà... Bà Tô Cô trên đền Thánh Mẫu, cô Đồng Mùi là những người đàn bà đẹp nổi tiếng, chẳng cần trang điểm cũng đẹp nồn nà, bà đứng ở đâu là chỗ đó sáng rực lên. Hai người phụ nữ này là hiện thân của sự sống, của mẹ đất, mẹ nước. Nhiều nhà nghiên cứu đã khẳng định rằng, đạo Mẫu trong tiểu thuyết (thể hiện qua các nhân vật nữ) vừa là tín ngưỡng, vừa thể hiện tính phồn thực và sự trường tồn của dân tộc Việt. Với *Mẫu Thượng Ngàn*, người phụ nữ đã được “tôn giáo hóa” (nhìn nhận người phụ nữ dưới góc độ văn hóa tâm linh mà cụ thể là dưới ánh sáng của tín ngưỡng thờ Mẫu - một tín ngưỡng bản địa của người Việt Nam)” (Dương Thị Huyền, 2015). Với nhà văn Nguyễn Khắc Trường, thiên tính nữ cũng biểu hiện ở mặt hoa da phấn, thắt đáy lưng ong, mắt lá răm đen nhánh... của Bà Sơn, cô Đào (*Mảnh đất lắm người nhiều ma*). Giữa cộng đồng nửa người nửa ma của xóm Giếng Chùa, với các nhân vật Phúc, Hàm, Thư, Ưống, Ngạc, Cao... nhân vật Bà Sơn hiện lên như điển hình của một người vợ, người mẹ, người phụ nữ Việt Nam bao dung nhân hậu. Bà mang một sức sống mãnh liệt, một nguồn ánh sáng tươi mới cho tác phẩm. Ta bắt gặp hình ảnh những người phụ nữ trong tác phẩm

của Võ Thị Hảo, Phạm Thị Hoài với một chiều sâu về mặt tâm hồn, vốn được làm nên từ chính những giác quan nhạy cảm của người phụ nữ. Họ hiện lên là những người phụ nữ đẹp, khoan dung, trầm ẩn và đằm đuối. Khám phá được vẻ đẹp ấy của người phụ nữ, nhà văn đã khám phá được thế giới tâm hồn của con người, qua đó thể hiện chức năng cao quý của văn học là hướng tới vẻ đẹp Chân - Thiện - Mĩ. Đặc biệt, Võ Thị Hảo còn khai thác hình tượng những người phụ nữ đã từng xuất hiện trong lịch sử Việt Nam như Ý Lan, nhưng lại với những nét tính cách kiêu đẩu tranh giành hạnh phúc và tình yêu một cách đầy bản năng, đầy chất đàn bà mà trước đây văn học Việt Nam chưa từng thể hiện điều đó. Cũng có thể bắt gặp điều này trong tiểu thuyết *Giàn Thiêu* của Võ Thị Hảo. Tất cả những điều đó đều góp phần hoàn thiện hình tượng người phụ nữ Việt Nam qua các thời kì. Trong *Bến không chồng*, nhà văn Dương Hương đã vẽ nên những người phụ nữ đẹp như huyền thoại. Đó là Ngân, cô gái đẹp nhất làng Đông, là chị Nhàn, Thắm, Thủy, Hạnh... họ đẹp từ trong cuộc sống đời thường đến những câu chuyện kể. Đức hi sinh, vị tha của cô Ngân, Thắm, Hạnh... vừa làm người đọc ứa nước mắt thương cảm, vừa đẩy lên sự cảm phục. Thiên tính Mẫu trong tác phẩm là ánh sáng, là sự hi vọng cho tất cả mọi người. Trong tiểu thuyết sau đổi mới, các nhà văn đã thể hiện nguyên lí tính Mẫu trong văn hóa Việt theo cách riêng của mình. “Các tác phẩm đã khai thác và sử dụng những giá trị văn hóa dân tộc như một sức mạnh làm nên chiều sâu và sức sống trường tồn. Các nền văn hóa trên thế giới tồn tại và phát triển đều nhờ vào những hình thái văn hóa mang bản sắc như lễ hội, tín ngưỡng, phong tục tập quán... Những giá trị văn hóa đó được lưu giữ, truyền tụng bằng nhiều hình thức khác nhau, trong các hình thức đó có văn học” (Vũ Thị Mỹ Hạnh, 2011).

3. Kết luận

TNDG là một trong những thành phần tạo nên bản sắc văn hóa của các dân tộc. Những lễ nghi, phong tục, tâm linh, tín ngưỡng ảnh hưởng mật thiết đến đời sống hàng ngày của cộng đồng cư dân, nó phản ánh “niềm tin của con người vào một hiện tượng, sự vật ấy có tác động trở lại đối với cuộc sống của mỗi người và cộng đồng” (Lê Như Hoa, 2001). Đến với tiểu thuyết Việt Nam thời kì đổi mới, người đọc bắt gặp rất nhiều những “chất liệu” văn hóa dân gian trong đó. Và con đường để đến với văn hóa của mỗi dân tộc thường thông qua các tác phẩm văn học. Giá trị đích thực của văn học là ở chỗ nó phản ánh tất cả các vấn đề văn hóa, xã hội, vận mệnh, tiền đề của dân tộc, phản ánh tinh thần của thời đại. Văn học nói chung và tiểu thuyết Việt Nam sau 1986 nói riêng đã khai thác và sử dụng những giá trị văn hóa mang bản sắc dân tộc như lễ hội, tín ngưỡng, phong tục tập quán... như một sức mạnh làm nên chiều sâu và sức sống trường tồn cho tác phẩm.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Đăng Duy. (2004). *Văn hóa Việt Nam đỉnh cao Đại Việt*, NXB Hà Nội.
- Vũ Thị Mỹ Hạnh. (2011). “Văn hóa dân gian trong văn xuôi đương đại Việt Nam”, <http://toquoc.vn/sites/vi-vn/details/50/van-chuong-va-du-luan/105986/van-hoa-dan-gian-trong-van-xuoi-duong-dai-viet-nam.aspx>
- Lê Như Hoa. (2001). *Tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam*. Hà Nội: NXB Văn hóa Thông tin.
- Nguyễn Văn Hùng. (2016). Những chiều kích tâm linh trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại. <http://vannghequandoi.com.vn/Binh-luan-van-nghe/nhung-chieu-kich-tam-linh-trong-tieu-thuyet-viet-nam-duong-dai-9831.html>
- Dương Thị Huyền. (2015). Nguyên lí tính mẫu trong truyền thống văn học Việt Nam, <http://vanhaiphong.com/ly-luan-phe-binh/1593-2015-03-04-04-35-57.html>
- Dương Hương. (1998). *Bến không chồng*. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn.
- Nguyễn Xuân Khánh. (2006). *Mẫu Thượng ngàn*. NXB Phụ nữ.
- Nguyễn Xuân Khánh. (2012). *Hồ Quý Ly*. Hà Nội: NXB Phụ nữ.
- Ma Văn Kháng. (2007). *Mùa lá rụng trong vườn*. Hà Nội: NXB Lao động.
- Nhiều tác giả. (2003). *Tiểu thuyết Việt Nam thời kì đổi mới*. Hà Nội: NXB Hội nhà văn.
- Đào Thắng. (2004). *Dòng sông Mía*. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn.